

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2018
(V/v ly hôn giữa anh T và chị T)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đán Văn Đường**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Vương Thị Liên**.

2. Bà **Hứa Thị Thu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh G

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh G tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2018 /TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1271/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Trung T** - Sinh năm: 1984; Địa chỉ: Bản Ch, xã Kim Th, huyện H, tỉnh G (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Hoàng Thị T** - Sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản L 1, xã Phú L, huyện H, tỉnh G (Chị Tươi vắng mặt đã có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 20/8/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2018 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Trung T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú L, huyện H, tỉnh G vào ngày 29/6/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm. đến tháng 10 năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng mỗi người có quan điểm, tính cách sống khác nhau như công việc làm ăn kinh tế, chị T còn ghen tuông vô cớ, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, kể từ tháng 6/2011 chị T đã bỏ về ở tại Bản L 1, xã Phú L, huyện H, tỉnh G. sống ly thân Từ khi sống ly thân, hai bên không quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục

đích hôn nhân không đạt. Nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 13/10/2007); cháu Hoàng Đức Th (sinh ngày 04/01/2012); Khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao cháu Hoàng Đức Th cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ chồng anh không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, ghi ngày 14/8/2018 và đơn xin giải quyết vắng mặt, đề ngày 20/8/2018, bị đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T xác định thời gian và điều kiện kết hôn như anh Tấn trình bày là đúng chị cũng thống nhất với anh Tấn về sự mâu thuẫn của vợ chồng thực sự trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay vợ chồng đã không còn quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa chị nhất trí ly hôn với anh Tấn để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 13/10/2007); cháu Nguyễn Đức Th (sinh ngày 04/01/2012) hiện nay cháu Th đã được thay đổi từ họ cha sang họ mẹ từ ngày 27/7/2017 là Hoàng Đức Th. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi;chị nhất trí giao cháu Nguyễn Ngọc D cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ chồng chị không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị còn trình bày do điều kiện cá nhân chị không thể tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, có hòa giải cũng không đoàn tụ được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Trung T về việc xin ly hôn với chị Hoàng Thị T được Tòa án nhân dân huyện H thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Do bị đơn chị Hoàng Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Thẩm phán chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung T và chị Hoàng Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú L, huyện H, tỉnh G vào ngày 29/6/2007, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm. Đến tháng 10/2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau như trong công việc làm ăn kinh tế, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến tháng 6/2011 chị T đã trở về ở với bố mẹ tại Bản L1, xã Phú L, huyện H, tỉnh G. Từ khi ly thân, hai bên không quan tâm đến nhau nữa.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định.

” Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Tuy nhiên, anh Tấn và chị T đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm lo chăm sóc đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Tấn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn việc ly hôn cũng được chị T chấp nhận nhằm để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Tòa án nhận thấy sự mâu thuẫn của vợ chồng anh Tấn, chị T là thực sự trầm trọng, không còn khả năng khắc phục được, có khắc phục cũng không có hạnh phúc. Do vậy, xử cho anh T được ly hôn với chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị T có 02 con chung

- Cháu Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 13/10/2007);

- Cháu Nguyễn Đức Th (tức Hoàng Đức Th, sinh ngày 04/01/2012) Hiện tại cháu Th đã được thay đổi từ họ cha sang họ mẹ từ ngày 27/7/2017 tên là Hoàng Đức Th; sau khi ly hôn hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con và hai bên đã thỏa thuận việc chia giao nuôi con và thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tòa án xét thấy sự thỏa thuận việc chia giao nuôi con chung giữa anh T và chị T là tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với điều kiện kinh tế và tâm tư nguyện vọng nơi ăn ở học hành của các cháu. Do vậy nhằm ổn định cuộc sống, tư tưởng của các cháu cần giữ

nguyên hiện trạng như hiện nay giao cháu Nguyễn Ngọc D cho anh Nguyễn Trung T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 26/9/2018 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Đức Th (tức Hoàng Đức Th, sinh ngày 04/01/2012) cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 26/9/2018 .đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về phân cấp dưỡng Anh T và chị T thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy sự thỏa thuận của anh T, chị T là phù hợp quy định của pháp luật cần ghi nhận. Về nghĩa vụ và quyền thăm con của anh T, chị T được thực hiện theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về Tài sản, công nợ chung: anh T, chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng:Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho anh Nguyễn Trung T và chị Hoàng Thị T được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1.Giao cháu Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 13/10/2007) cho anh Nguyễn Trung T, địa chỉ: Bản Chang, xã Kim T, huyện H, tỉnh G được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 26/9/2018 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

2.2.Giao cháu Hoàng Đức Th (tức Nguyễn Đức Th sinh ngày 04/01/2012) cho chị Hoàng Thị T, địa chỉ: thôn Bản L1, xã Phú L, huyện H, tỉnh G được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 26/9/2018 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Trung T và chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có các quyền, nghĩa vụ, theo quy định tại Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trung T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02054 ngày 01/8/2018. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Trung T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; Chị Hoàng Thị T (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh G;
- UBND xã Phú L, huyện H;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đán Văn Đường